

Số: 71 /BCG-TCKH

Mường Ảng, ngày 22 tháng 4 năm 2024

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG THÁNG 04 NĂM 2024**

**1. Tình hình thị trường và giá cả tháng 04 năm 2024**

Giá cả so với tháng trước (tháng 03/2023) có biến động như sau:

*(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)*

**2. Công tác quản lý nhà nước về giá của địa phương**

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về công tác quản lý, điều hành bình ổn giá cả thị trường tới nhân dân trên địa bàn hạn chế những thông tin thất thiệt gây hoang mang cho người dân và gây bất ổn thị trường.

Thường xuyên theo dõi diễn biến giá cả thị trường, lập báo cáo tháng gửi Sở Tài chính tỉnh Điện Biên để kịp thời nắm bắt và có biện pháp xử lý trong công tác điều hành quản lý giá trên địa bàn.

Tham gia Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự.

Trên đây là báo cáo tình hình giá cả thị trường tháng 04/2024 trên địa bàn huyện Mường Ảng./.

**Nơi nhận:**

- Sở Tài chính tỉnh Điện Biên;
- Lãnh đạo UBND huyện (B/c);
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu./.

**P.TRƯỞNG PHÒNG**



**Bùi Bằng Huy**

Đơn vị: Phòng tài chính Huyện Mường Ảng



## BÁO CÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG THÁNG 4 NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Thông tư số 116/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ báo cáo giá thị trường)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
I.	01	LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM									
1	01.0001	Gạo tẻ thường	Khang dân hoặc tương đương (gạo tẻ Thường)	đ/kg	Giá bán lẻ	19.000	19.000				
2	01.0001a	Thóc tẻ thường		đ/kg	Giá bán lẻ	11.000	11.000				
3	01.0002	Gạo tẻ ngon	Tám thơm hoặc tương đương	đ/kg	Giá bán lẻ	20.000	20.000				
4	01.0003	Thịt lợn hơi (Thịt heo hơi)		đ/kg	Giá bán lẻ	62.000	65.000	3.000	4,84		
5	01.0004	Thịt lợn nạc thăn (Thịt heo nạc thăn)		đ/kg	Giá bán lẻ	140.000	140.000				
6	01.0005	Thịt bò thăn		đ/kg	Giá bán lẻ	250.000	250.000				
7	01.0006	Thịt bò bắp	Bắp hoa hoặc bắp lõi, loại 200 – 300 gram/ cái	đ/kg	Giá bán lẻ	230.000	230.000				
8	01.0007	Gà ta	Còn sống, loại 1,5 – 2kg /1 con hoặc phổ biến	đ/kg	Giá bán lẻ	180.000	150.000	-30.000	-16,67		
9	01.0008	Gà công nghiệp	Làm sẵn, nguyên con, bỏ lòng, loại 1,5 – 2kg /1 con hoặc phổ biến	đ/kg	Giá bán lẻ	80.000	80.000				
10	01.0009	Giò lụa	Loại 1 kg	đ/kg	Giá bán lẻ	150.000	150.000				
11	01.0011	Cá chép	Loại 2kg/ 1 con trở lên	đ/kg	Giá bán lẻ	65.000	65.000				
12	01.0014	Cải xanh	Cải ngọt hoặc cải cay theo mùa	đ/kg	Giá bán lẻ	15.000	15.000				
13	01.0015	Bí xanh	Quả từ 1-2 kg hoặc phổ biến	đ/kg	Giá bán lẻ	10.000	10.000				
14	01.0016	Cà chua	Quả to vừa, 8-10 quả/kg	đ/kg	Giá bán lẻ	15.000	15.000				



15	01.0017	Muối hạt	Gói 01 kg	đ/kg	Giá bán lẻ	5.000	5.000			
16	01.0018	Dầu thực vật	Chai 01 lít	đ/lit	Giá bán lẻ	60.000	60.000			
17	01.0019	Đường trắng kết tinh, nội	Gói 01 kg	đ/kg	Giá bán lẻ	26.000	26.000			
18	01.0020	Sữa bột dùng cho trẻ em dưới 06 tuổi	Hộp sắt 900 gram - Dành cho trẻ từ 06-12 tháng tuổi, Sữa Dielac Alpha Gold	đ/hộp	Giá bán lẻ	250.000	250.000			
19	01.0021	Gạo nếp to (loại ngon)		đ/kg	Giá bán lẻ	35.000	35.000			
20	01.0022	Thịt lợn mông sẵn (heo đù)		đ/kg	Giá bán lẻ	110.000	110.000			
21	01.0023	Thịt lợn ba chỉ (heo ba rọi), loại ba chỉ		đ/kg	Giá bán lẻ	120.000	120.000			
22	01.0024	Gà ta làm sẵn nguyên con, bỏ lòng		đ/kg	Giá bán lẻ	160.000	150.000			
23	01.0025	Vịt còn sống, loại 1-1,5kg/con		đ/kg	Giá bán lẻ	95.000	100.000	5.000	5,26	
24	01.0026	Vịt làm sẵn, nguyên con, bỏ lòng		đ/kg	Giá bán lẻ	110.000	110.000			
25	01.0027	Trứng gà ta không đóng gói, bán rời		đ/10 quả	Giá bán lẻ	50.000	50.000			
<b>II.</b>	<b>02</b>	<b>VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP</b>								
1	02.0061	Phân đạm urê	Phân đạm U rê Hà Bắc - Có hàm lượng Nitơ (N) tổng số ≥ 46%;	đ/kg	Giá bán lẻ	12.000	12.000			
2	02.0062	Phân NPK	Phân NPK Lâm Thao - Mã 5.10.3	đ/kg	Giá bán lẻ	7.000	7.200	200	2,86	
<b>III.</b>	<b>03</b>	<b>ĐỒ UỐNG</b>								
1	03.0001	Nước khoáng	Chai nhựa 500ml	đ/chai	Giá bán lẻ	5.000	5.000			
2	03.0002	Rượu vang nội	Rượu vang Đà Lạt - Chai 750ml	đ/chai 750ml	Giá bán lẻ	120.000	120.000			
3	03.0003	Nước giải khát có ga	Nước Cocacola - Thùng 24 lon 330ml loại phổ biến	đ/thùng (24 lon)	Giá bán lẻ	200.000	200.000			
4	03.0004	Bia lon	Bia Heniken - Thùng 24 lon 330ml loại phổ biến	đ/thùng (24 lon)	Giá bán lẻ	450.000	450.000			

H.C.N.V  
**ĐANG**  
**CHÍNH**  
**QUẢN**  
**LIÊN**

6	03.0006	Thuốc lá Thăng long (Việt Nam sản xuất)		đ/bao	Giá bán lẻ	12.000	12.000				
<b>IV.</b>	<b>04</b>	<b>VẬT LIỆU XÂY DỰNG</b>									
1	04.0008	Gas đun	Gas Petro VN - loại bình 12kg (không kể tiền bình)	đ/kg	Giá bán lẻ	41.250	40.744				
<b>V.</b>	<b>05</b>	<b>THUỐC CHỮA BỆNH CHO NGƯỜI</b>									
1	05.0001	Thuốc tim mạch	Hoạt chất Amlodipin 10 mg hoặc Hoạt chất Atorvastatin 10mg hoặc Hoạt chất Nifedipin 20mg	đ/ vi	Giá bán lẻ	10.000	10.000				
2	05.0002	Thuốc chống nhiễm, điều trị ký sinh trùng	Hoạt chất Cefuroxim 500mg hoặc Hoạt chất Amoxicilin 500mg	đ/ vi	Giá bán lẻ	10.000	10.000				
3	05.0003	Thuốc dị ứng và các trường hợp quá mẫn cảm	Hoạt chất Cinnarizin 25mg hoặc Hoạt chất Fexofenadin 60mg	đ/ vi	Giá bán lẻ	20.000	20.000				
4	05.0004	Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm không steroid và thuốc điều trị gut và các bệnh xương	Hoạt chất Paracetamol 500mg hoặc Hoạt chất Alpha Chymotrypsin 4.2mg	đ/ vi	Giá bán lẻ	5.000	5.000				
<b>VII.</b>	<b>07</b>	<b>GIAO THÔNG</b>									
1	07.0004	Giá cước xe buýt công cộng	Tuyến Mường Ảng <-> Điện Biên, nhà xe Xuân Long	đ/vé	Giá bán lẻ	35.000	35.000				
2	07.0006	Xăng E5 Ron 92		đ/lit	Giá bán lẻ	22.930	24.700	1.770	7,72		
3	07.0007	Xăng Ron 95		đ/lit	Giá bán lẻ	24.010	25.730	1.720	7,16		
4	07.0008	Dầu Diesel	0,05S-II	đ/lit	Giá bán lẻ	20.950	21.860	910	4,34		

